

# UNIT 9

| Class | New Word | Meaning                              |
|-------|----------|--------------------------------------|
|       |          | ngoại ô                              |
|       |          | dây cờ                               |
|       |          | hạt                                  |
|       |          | đất cho thuê để trồng trọt           |
|       |          | có tiếng tăm                         |
|       |          | thợ sửa ống nước                     |
|       |          | đầu tiên                             |
|       |          | sáng kiến                            |
|       |          | khu bầu cử                           |
|       |          | trao quyền, trao danh hiệu           |
|       |          | làm hư hỏng                          |
|       |          | sôi nổi, rung                        |
|       |          | phân biệt                            |
|       |          | riêng biệt, độc đáo                  |
|       |          | giải trí                             |
|       |          | chỉ định                             |
|       |          | kế hoạch, dự án, hệ thống            |
|       |          | tuân thủ nguyên tắc, có tính kỉ luật |
|       |          | lẫn nhau, tác động qua lại           |
|       |          | sự hấp dẫn                           |
|       |          | di cư                                |
|       |          | người di cư                          |
|       |          | nhập cư                              |
|       |          | sự tiện nghi                         |
|       |          | cơ sở hạ tầng                        |

## UNIT 9

[illegible]